

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2015

THÔNG TƯ

**Quy định việc xây dựng và thực hiện dự án theo Cơ chế tín chỉ chung
trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam và Nhật Bản**

Căn cứ Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế số 41/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Bản ghi nhớ hợp tác về Tăng trưởng các-bon thấp giữa Việt Nam và Nhật Bản ngày 02 tháng 7 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định việc xây dựng và thực hiện dự án theo Cơ chế tín chỉ chung trong khuôn khổ hợp tác về Tăng trưởng các-bon thấp giữa Việt Nam - Nhật Bản.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các hoạt động liên quan đến xây dựng, đăng ký và thực hiện các dự án thuộc Cơ chế tín chỉ chung trong khuôn khổ Bản ghi nhớ hợp tác về Tăng trưởng các-bon thấp giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, đăng ký và thực hiện dự án thuộc Cơ chế tín chỉ chung trong khuôn khổ Bản ghi nhớ hợp tác về Tăng trưởng các-bon thấp giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khí nhà kính là các khí trong khí quyển gây ra sự nóng lên của Trái đất, bao gồm các khí sau đây:

- a) Carbon dioxide (CO₂);
- b) Methane (CH₄);
- c) Nitrous oxide (N₂O);
- d) Hydrofluorocarbons (HFCs);
- đ) Perfluorocarbons (PFCs);
- e) Sulphur hexafluoride (SF₆);
- g) Nitrogen trifluoride (NF₃).

2. Cơ chế tín chỉ chung (JCM) là cơ chế trong khuôn khổ hợp tác phát triển các-bon thấp giữa Việt Nam và Nhật Bản nhằm thúc đẩy việc đầu tư, chuyển giao và phổ biến các công nghệ, sản phẩm, hệ thống, dịch vụ và cơ sở hạ tầng phát thải các-bon thấp ở các lĩnh vực khác nhau để hướng tới phát triển các-bon thấp ở Việt Nam, hỗ trợ thực hiện cam kết quốc tế về nỗ lực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của Nhật Bản và đóng góp vào mục tiêu chung của quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Ủy ban Hỗn hợp (UBHH) là Ủy ban bao gồm đại diện của Việt Nam và Nhật Bản để chỉ đạo, điều phối và quản lý các hoạt động thực hiện JCM theo Bản ghi nhớ hợp tác về Tăng trưởng các-bon thấp giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Thành viên của UBHH bao gồm các đại diện của Việt Nam và Nhật Bản. Đứng đầu UBHH gồm 02 đồng chủ tịch là đại diện của Việt Nam và Nhật Bản. Phía Việt Nam, các thành viên tham gia UBHH gồm đồng chủ tịch là Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các đại diện của các Bộ ngành có liên quan.

4. Tổ Thư ký phía Việt Nam là tổ công tác gồm một số cán bộ của Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường giúp việc cho UBHH phía Việt Nam. UBHH sử dụng Tổ Thư ký trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính liên quan tới dự án JCM quy định tại Thông tư này.

5. Dự án JCM là dự án được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có mục tiêu cắt giảm phát thải hoặc tăng cường hấp thụ khí nhà kính để hỗ trợ thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của Nhật Bản và phù hợp với điều kiện quốc gia của Việt Nam. Dự án được công nhận là dự án JCM khi được UBHH phê duyệt theo quy định tại Chương IV của Thông tư.

6. Bên tham gia dự án là các cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động tại Việt Nam và Nhật Bản có thể trực tiếp xây dựng, tham gia thực hiện dự án thuộc cơ chế JCM.

7. Tài liệu thiết kế dự án (PDD) là tài liệu chi tiết về đề xuất dự án JCM do bên tham gia dự án JCM xây dựng theo hướng dẫn của UBHH, bao gồm các thông tin về thiết kế dự án và kế hoạch giám sát dự án.

8. Bên thứ ba (TPE) của dự án JCM là tổ chức pháp nhân đủ điều kiện do UBHH chỉ định, và theo yêu cầu từ bên tham gia dự án JCM làm nhiệm vụ thẩm định, thẩm tra các dự án JCM.

9. Thẩm định là quá trình đánh giá độc lập một dự án đăng ký trở thành dự án JCM do TPE của dự án thực hiện trên cơ sở PDD và theo các hướng dẫn của UBHH.

Báo cáo thẩm định là báo cáo đánh giá PDD của dự án do TPE thực hiện dựa trên các hướng dẫn của UBHH.

10. Thẩm tra là việc đánh giá độc lập định kỳ và xác định hậu kỳ lượng giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính thu được từ một dự án JCM do TPE thực hiện trên cơ sở các báo cáo giám sát của bên tham gia dự án và theo hướng dẫn của UBHH.

Báo cáo thẩm tra là báo cáo đánh giá và xác định mức giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính của một dự án JCM do TPE thực hiện theo hướng dẫn của UBHH.

11. Giám sát là việc theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện dự án và xác định lượng giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính của dự án JCM do bên tham gia dự án tiến hành căn cứ vào PDD của dự án.

Báo cáo giám sát là báo cáo theo dõi, kiểm tra và đánh giá lượng giảm phát thải và hấp thụ khí nhà kính của dự án JCM do bên tham gia dự án thực hiện.

12. Phương pháp luận áp dụng cho dự án JCM là phương pháp tính toán lượng giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính thu được từ các dự án JCM, được đệ trình lên UBHH để xem xét và phê duyệt.

13. Trang thông tin điện tử của JCM bao gồm thông tin về các hướng dẫn kỹ thuật của JCM và hộp thư điện tử để tiếp nhận đề xuất của các bên tham gia dự án, thông báo chứng nhận TPE, thông báo dự án JCM được công nhận và lấy ý kiến công chúng về các phương pháp luận.

14. Tín chỉ là lượng giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính định lượng thu được từ dự án JCM, được UBHH công nhận và cấp cho các bên tham gia dự án trên cơ sở báo cáo thẩm tra của TPE.

15. Tài khoản nhận tín chỉ được cấp là tài khoản các bên tham gia dự án của Việt Nam và Nhật Bản mở để nhận số chứng chỉ được cấp.

16. Phương thức liên lạc (MoC) là phương thức liên lạc giữa các tổ chức tham gia thực hiện dự án JCM với Tổ thư ký và UBHH, bao gồm thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân được chỉ định làm đầu mối liên lạc.

17. Cơ chế phát triển sạch (CDM) là cơ chế tài chính mềm dẻo thuộc Nghị định thư Kyoto. Ban chấp hành quốc tế về CDM chỉ định các tổ chức nghiệp vụ độc lập thẩm định và thẩm tra các dự án thuộc cơ chế CDM.

18. Diễn đàn công nhận quốc tế (IAF) là một hiệp hội quốc tế bao gồm các tổ chức công nhận, có thẩm quyền đánh giá sự phù hợp của các tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, đảm bảo rằng các tổ chức được công nhận có đủ năng lực để thực hiện công việc trong lĩnh vực của mình.

Điều 4. Điều kiện và lĩnh vực được thực hiện dự án Cơ chế tín chỉ chung

1. Điều kiện trở thành dự án JCM

a) Là dự án được xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với chiến lược, quy hoạch trong các lĩnh vực liên quan của Bộ, ngành, địa phương và góp phần đảm bảo phát triển bền vững của Việt Nam;

b) Việc xây dựng và thực hiện dự án phải trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam và có sự tham gia của đối tác Nhật Bản.

2. Các lĩnh vực được thực hiện dự án JCM

a) Sản xuất năng lượng;

b) Chuyển tải năng lượng;

c) Tiêu thụ năng lượng;

d) Nông nghiệp;

đ) Xử lý chất thải;

e) Trồng rừng và tái trồng rừng;

g) Công nghiệp hóa chất;

h) Công nghiệp chế tạo;

i) Xây dựng;

k) Giao thông vận tải;

l) Khai thác và chế biến khoáng sản;

m) Sản xuất kim loại;

n) Phát thải từ nhiên liệu (nhiên liệu rắn, dầu và khí);

o) Phát thải từ sản xuất và tiêu thụ Halocarbons và Sulphur hexafluoride;

- p) Sử dụng dung môi;
- q) Lĩnh vực khác phù hợp với hướng dẫn của UBHH và quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Quy trình chung về xây dựng, đăng ký, thực hiện dự án Cơ chế tín chỉ chung và cấp tín chỉ

1. Bên tham gia dự án xây dựng và đệ trình phương pháp luận lên UBHH để phê duyệt;
2. Ủy ban hỗn hợp phê duyệt phương pháp luận;
3. Bên tham gia dự án xây dựng PDD của dự án;
4. Bên thứ ba thẩm định PDD theo yêu cầu của bên tham gia dự án;
5. Bên tham gia dự án đệ trình dự án lên UBHH để đăng ký;
6. Sau khi dự án được phê duyệt làm dự án JCM, bên tham gia dự án thực hiện và giám sát dự án;
7. Bên thứ ba tiến hành thẩm định dự án;
8. Căn cứ vào yêu cầu của bên tham gia dự án và báo cáo thẩm định của TPE, UBHH quyết định số lượng tín chỉ và gửi yêu cầu cấp tín chỉ đến Chính phủ hai nước để cấp cho bên tham gia dự án qua tài khoản cấp tín chỉ.

Chương II
CÔNG NHẬN BÊN THỨ BA

Điều 6. Công nhận Bên thứ ba

1. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị công nhận TPE qua thư điện tử bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận TPE (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 và 1^a ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Chứng nhận tiêu chuẩn ISO 14.065 do IAF cấp theo tiêu chuẩn ISO 14.064-2; hoặc chứng nhận là tổ chức nghiệp vụ của Cơ chế CDM.

2. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận TPE của tổ chức, Tổ Thư ký thông báo qua thư điện tử kết quả kiểm tra hồ sơ theo quy định.

Đối với hồ sơ không đầy đủ theo quy định, Tổ thư ký gửi thông báo một (01) lần duy nhất để tổ chức, cá nhân biết để bổ sung hoàn thiện hồ sơ; đối với hồ sơ đầy đủ theo quy định, Tổ thư ký trình UBHH xem xét và quyết định.